

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày 18-4-2025

*Về tranh chấp "Hợp đồng mượn
và hợp đồng mua bán tài sản"*

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Lê Thị Hương

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án N dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mượn và mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn T. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Tô Thị M. T, sinh năm 19xx và Lê Q. N, sinh năm 19xx. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(bà Nguyễn T. T, chị Tô Thị M. T có đơn xin vắng mặt, anh Lê Q. N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn T. T trình bày: Bà có bán thức ăn tôm cho vợ chồng anh Lê Q. N, chị Tô Thị M. T từ nhiều năm nay. Khi giao dịch mua bán, hai bên có thỏa thuận là bà bán thức ăn nuôi tôm cho anh N, chị T trước, đến khi thu hoạch thì anh N, chị T sẽ thanh toán tiền lại cho bà. Nhưng anh N, chị T không thanh toán tiền cho bà, đến ngày 01/4/20xx hai bên tổng kết lại số tiền anh N, chị T còn nợ bà số tiền là 474.982.000 đồng, bao gồm số tiền mượn là 334.200.000

đồng và số tiền nợ do mua thức ăn tôm là 140.782.000 đồng. Bà nhiều lần nhắc nhở anh N, chị T trả tiền nợ nhưng không được.

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/20xx, bà T khởi kiện đối với bị đơn là chị Tô Thị M. T và anh Lê Q. N, tuy nhiên ngày 18/4/20xx, bà T rút lại yêu cầu đối với anh N, bà không yêu cầu gì đối với anh N trong vụ án này. Nay bà yêu cầu chị T trả tổng số tiền là 474.982.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực.

* Quá trình tố tụng bị đơn chị Tô Thị M. T trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu của bà T. Chị có mượn bà T số tiền 20.000.000 đồng không nhớ vào ngày tháng năm nào, một mình chị mượn tiền bà T, không có liên quan đến anh N. Vợ chồng chị có mua thức ăn nuôi tôm của bà T còn nợ số tiền là 140.782.000 đồng. Ngoài ra, chị còn nợ tiền hụi bà T nhưng không biết chính xác số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Tổng số tiền chị còn nợ bà T là bao nhiêu chị cũng không nhớ rõ. Nay chị thống nhất là có nợ tiền bà T nhưng không có khả năng trả tiền nợ, chị xin trả dần mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng mượn và mua bán tài sản” được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn T. T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Tô Thị M. T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của chị T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Bà T rút lại yêu cầu đối với anh N, bà không yêu cầu gì đối với anh N trong vụ án này. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. T là có căn cứ. Bởi lẽ, bà cung cấp chứng cứ là “Giấy ký nhận tiền mượn và tiền thức ăn tôm” do bà T viết, chị T ký nhận nợ vào ngày 01/4/2023, đồng thời tại phiên hòa giải chị T đã thừa nhận có mượn tiền và có mua thức ăn nuôi tôm của bà T còn nợ 140.782.000 đồng, chị nợ tiền hụi của bà T nhưng không biết bao nhiêu. Như vậy, giữa bà T và chị T đã xác lập giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và có mượn tiền của bà T, quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã được nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả

tiền, bà T kiện đòi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 430, 494 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hai bên không thống nhất số tiền còn nợ, nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình về số tiền còn nợ, về tiền mượn và tiền mua thức ăn nuôi tôm, do đó chị T có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 474.982.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng) là phù hợp pháp luật.

[4] Về thời gian trả nợ: Chị T thống nhất có nợ tiền bà T nhưng không có khả năng trả tiền nợ, chị xin trả dần mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đề nghị này không được bà T chấp nhận, đồng thời xét thấy thời gian trả tiền của chị T kéo dài quá lâu, trái với quy định pháp luật, gây thiệt thòi quyền lợi cho phía bà T. Do đó, buộc chị T trả tiền khi án có hiệu lực.

[5] Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 494, 496, 357 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. T.

1. Buộc chị Tô Thị M. T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T. T số tiền mượn và tiền nợ mua thức ăn tôm tổng cộng là 474.982.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Tô Thị M. T phải chịu 22.999.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự.

Bà Nguyễn T. T không phải chịu tiền án phí, bà đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T, chị T, anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm